

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011**

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	4
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2011	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 25

3200
ON
NHÉ
M
3.5
TP H

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 0964/2001/QĐ/BTM, ngày 10 tháng 09 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Thương Mại về việc chuyển Xí nghiệp Dịch Vụ Kho Vận thành Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000781, ngày 14 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 12 tháng 06 năm 2008.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 56 tỷ đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 bao gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 0113002776, ngày 19 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0302511219-001 vào ngày 28 tháng 06 năm 2010.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0203010121, ngày 10 tháng 10 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, đại lý quản lý vỏ container cho các hãng tàu, cung ứng tàu biển;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh các dịch vụ về gom hàng lẻ xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa công cộng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi;
- Dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện ...;
- Các dịch vụ thương mại;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Đỗ Xuân Quang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Bích Lâm	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Nam Tiến	Thành viên
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Nhiên	Thành viên
Ông Goh Hock Choy	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Điệp	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Phan Minh Hoàng	Trưởng ban
Bà Trần Thị Bình	Thành viên
Bà Lê Thị Thu Hà	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Bích Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Diệu	Phó Tổng Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2011

Các số liệu về tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2011 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét bởi Công ty Kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc giai đoạn tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011 của Công ty.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011 của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 08 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BÍCH LÂN

Số: 12.131/BCSX-DTL

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 06 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011 được lập ngày 01 tháng 08 năm 2011 của Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 05 đến trang 25 kèm theo. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

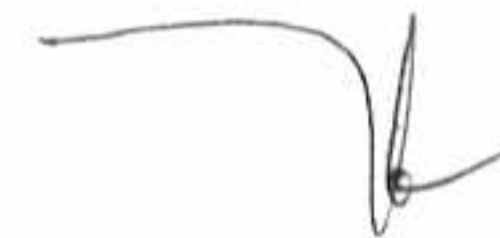
Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 08 năm 2011

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

TANG QUỐC THẮNG
Chứng chỉ KTV số Đ.0075/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN



NGÔ THANH BÌNH
Chứng chỉ KTV số 0524/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		90.360.930.024	43.698.790.398
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	23.752.976.965	5.730.038.178
1. Tiền	111		3.443.374.004	1.935.355.049
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.309.602.961	3.794.683.129
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(5.2)	5.236.972.000	8.879.108.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		5.236.972.000	8.879.108.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130	(5.3)	54.060.292.705	23.073.003.551
1. Phải thu khách hàng	131		30.383.758.213	24.240.554.491
2. Trả trước cho người bán	132		264.737.898	44.349.409
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		26.724.793.366	389.244.325
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(3.312.996.772)	(1.601.144.674)
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.310.688.354	6.016.640.669
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		89.363.545	85.584.806
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.131.451	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.4)	7.211.193.358	5.931.055.863

(Phần tiếp theo ở trang 6)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		49.841.187.386	57.366.769.766
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		3.435.559.046	3.622.418.199
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.5)	3.312.312.303	3.557.553.435
+ Nguyên giá	222		8.251.462.870	8.150.490.325
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.939.150.567)	(4.592.936.890)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227		123.246.743	64.864.764
+ Nguyên giá	228		160.666.817	87.672.720
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(37.420.074)	(22.807.956)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.6)	46.236.645.327	53.662.565.327
1. Đầu tư vào công ty con	251		13.500.000.000	13.500.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		24.204.680.000	24.204.680.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		9.355.285.327	16.581.885.327
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(823.320.000)	(624.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		168.983.013	81.786.240
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		79.913.253	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		89.069.760	81.786.240
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		140.202.117.410	101.065.560.164

(Phần tiếp theo ở trang 7)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		30.582.774.181	26.919.641.411
I. Nợ ngắn hạn	310		30.477.874.900	26.831.260.585
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	(5.7)	3.234.466.190	721.681.857
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.7)	11.158.210.043	16.085.682.933
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.8)	2.079.309.979	896.694.332
5. Phải trả người lao động	315	(5.9)	1.800.000.000	1.687.544.727
6. Chi phí phải trả	316	(5.10)	7.936.112.379	2.015.374.684
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.11)	1.363.416.271	1.678.922.014
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.12)	2.906.360.038	3.745.360.038
II. Nợ dài hạn	330		104.899.281	88.380.826
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333		20.000.000	20.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		84.899.281	68.380.826
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		109.619.343.229	74.145.918.753
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.13.1)	109.619.343.229	74.145.918.753
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.13.2)	56.000.000.000	56.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.402.850.000	2.402.850.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(155.000.000)	(155.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.518.000.000	1.018.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	(5.13.5)	49.853.493.229	14.880.068.753
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		140.202.117.410	101.065.560.164

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		1.446.300,11	1.152.341,82
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ NGỌC ANH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 08 năm 2011



TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN BÍCH LÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		85.291.215.035	81.928.536.934
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	85.291.215.035	81.928.536.934
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	73.699.659.760	75.890.936.612
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.591.555.275	6.037.600.322
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	35.946.171.805	7.318.450.271
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	2.697.978.424	3.658.306.643
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	5.582.246.369	3.316.879.600
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		39.257.502.287	6.380.864.350
11. Thu nhập khác	31			6.814.946
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác	40			6.814.946
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		39.257.502.287	6.387.679.296
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.6)	1.700.077.811	697.250.988
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		37.557.424.476	5.690.428.308

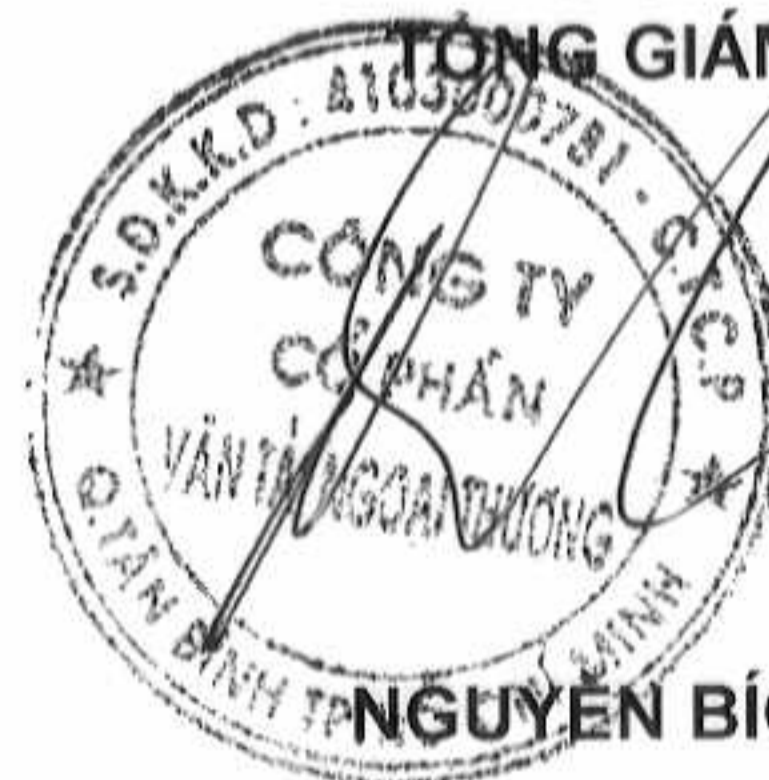
TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 08 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ NGỌC ANH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BÍCH LÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		39.257.502.287	6.387.679.296
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		360.825.795	358.151.692
Các khoản dự phòng	03		1.911.172.098	513.574.777
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(1.206.056.378)	
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(30.834.702.482)	(3.702.851.829)
Chi phí lãi vay	06			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		9.488.741.320	3.556.553.936
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.401.699.271)	(7.066.661.767)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10			
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		2.285.932.540	2.794.499.427
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(83.691.992)	(44.087.436)
Tiền lãi vay đã trả	13			
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(407.690.834)	(255.266.795)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2.317.425.000	605.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2.840.063.738)	(1.348.205.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20		5.358.953.025	(1.758.167.635)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(173.966.642)	(181.697.084)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(9.868.492.000)	(4.762.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20.082.000.000	7.210.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.383.937.937	5.753.881.829
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		12.423.479.295	8.020.184.745

(Phần tiếp theo ở trang 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

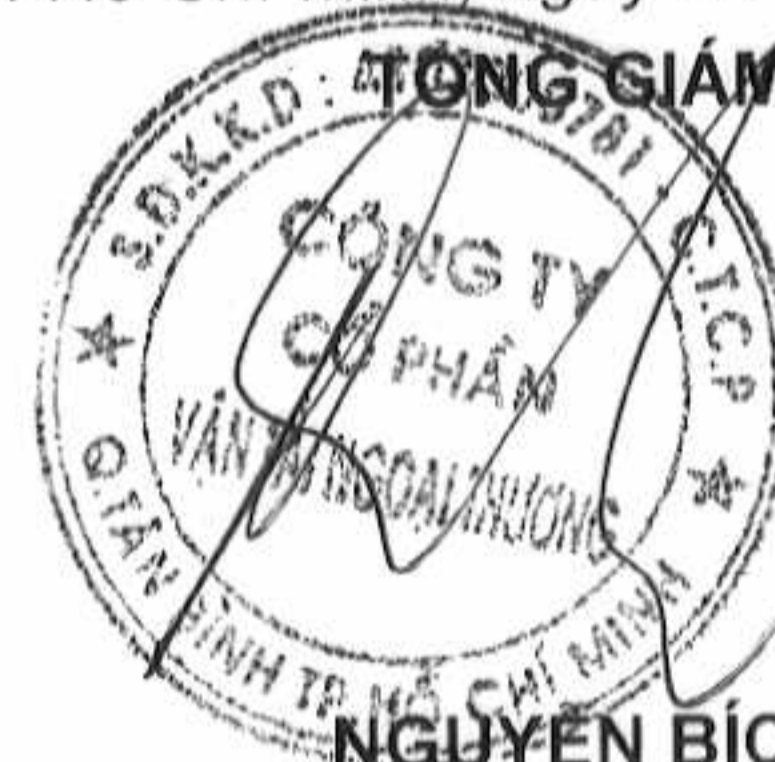
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(283.125.000)	(4.879.436.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(283.125.000)	(4.879.436.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		17.499.307.320	1.382.581.110
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.730.038.178	7.897.028.376
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		523.631.467	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		23.752.976.965	9.279.609.486

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ NGỌC ANH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 08 năm 2011



NGUYỄN BÍCH LÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 0964/2001/QĐ/BTM, ngày 10 tháng 09 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Thương Mại về việc chuyển Xí nghiệp Dịch Vụ Kho Vận thành Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000781, ngày 14 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 12 tháng 06 năm 2008.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 56 tỷ đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 bao gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 0113002776, ngày 19 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0302511219-001 vào ngày 28 tháng 06 năm 2010.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0203010121, ngày 10 tháng 10 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, đại lý quản lý vỏ container cho các hãng tàu, cung ứng tàu biển;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh các dịch vụ về gom hàng lẻ xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa công cộng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi;
- Dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện ...;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Các dịch vụ thương mại;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ được hạch toán theo tỷ giá hạch toán trong kỳ, riêng các khoản mục phi tiền tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối kỳ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15 năm
+ Máy móc, thiết bị	03 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05 năm
+ Phần mềm vi tính	03 năm

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.6. Ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.7. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ là 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Trong kỳ, Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 23 tháng 04 năm 2011.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Công ty ghi nhận doanh thu trong kỳ dựa trên hóa đơn tài chính được phát hành.

4.10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

- Ưu đãi, miễn giảm thuế:

Theo Thông tư 128/2003/TT-BTC, ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài Chính, Công ty được miễn thuế 2 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2002) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo. Thuế suất ưu đãi là 20% trong 10 năm, kể từ khi cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh (từ năm 2002).

- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.11. Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	949.430.037	182.747.958
Tiền gửi ngân hàng	2.493.943.967	1.752.607.091
Các khoản tương đương tiền	<u>20.309.602.961</u>	<u>3.794.683.129</u>
Tổng cộng	<u>23.752.976.965</u>	<u>5.730.038.178</u>

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng, tương đương 254.000 USD.

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	30.383.758.213	24.240.554.491
Trả trước cho người bán	264.737.898	44.349.409
Các khoản phải thu khác	<u>26.724.793.366</u>	<u>389.244.325</u>
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	<u>57.373.289.477</u>	<u>24.674.148.225</u>
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	<u>(3.312.996.772)</u>	<u>(1.601.144.674)</u>
Giá trị thuần của các khoản phải thu	<u>54.060.292.705</u>	<u>23.073.003.551</u>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty, trong đó khoản phải thu Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Vector Quốc Tế (Vector Aviation) - Công ty con là 378.788.089 đồng (xem thêm mục 7).

Các khoản phải thu khác có chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Lợi nhuận được chia phải thu Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Vector Quốc Tế (Vector Aviation) - Công ty con (xem thêm mục 7)	25.740.000.000	-
Lợi nhuận được chia phải thu Công ty Liên doanh Vận Tải Việt Nhật (Konoike Vina)	574.362.545	-
Cho Công ty TNHH Chuyển Phát Nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na) vay	372.352.500	372.352.500
Khác	<u>38.078.321</u>	<u>16.891.825</u>
Cộng	<u>26.724.793.366</u>	<u>389.244.325</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.4. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tạm ứng	1.792.793.358	457.425.863
Ký quỹ	<u>5.418.400.000</u>	<u>5.473.630.000</u>
Tổng cộng	<u>7.211.193.358</u>	<u>5.931.055.863</u>

Các khoản ký quỹ có chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ký quỹ cho các hãng hàng không	5.385.410.000	5.445.640.000
Ký quỹ khác	<u>32.990.000</u>	<u>27.990.000</u>
Cộng	<u>5.418.400.000</u>	<u>5.473.630.000</u>

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	3.337.273.150	30.070.091	3.786.093.177	997.053.907	8.150.490.325
Mua trong kỳ	-	-	-	100.972.545	100.972.545
Số dư cuối kỳ	<u>3.337.273.150</u>	<u>30.070.091</u>	<u>3.786.093.177</u>	<u>1.098.026.452</u>	<u>8.251.462.870</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.005.565.091	30.070.091	1.951.306.997	605.994.711	4.592.936.890
Khấu hao trong kỳ	110.065.110	-	125.881.824	110.266.743	346.213.677
Số dư cuối kỳ	<u>2.115.630.201</u>	<u>30.070.091</u>	<u>2.077.188.821</u>	<u>716.261.454</u>	<u>4.939.150.567</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.331.708.059	-	1.834.786.180	391.059.196	3.557.553.435
Tại ngày cuối kỳ	<u>1.221.642.949</u>	<u>-</u>	<u>1.708.904.356</u>	<u>381.764.998</u>	<u>3.312.312.303</u>

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.036.179.069 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.6. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	13.500.000.000	13.500.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	24.204.680.000	24.204.680.000
Đầu tư dài hạn khác	<u>9.355.285.327</u>	<u>16.581.885.327</u>
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	47.059.965.327	54.286.565.327
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	<u>(823.320.000)</u>	<u>(624.000.000)</u>
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	<u>46.236.645.327</u>	<u>53.662.565.327</u>

Đầu tư vào công ty con là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc Tế (Vector Aviation) với tỷ lệ vốn góp là 90%.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết có chi tiết như sau:

	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị vốn góp
Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Hải Jardine (Jardine)	51,00%	1.623.330.000
Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (Kintetsu)	30,00%	3.565.350.000
Công ty TNHH Dịch Vụ Vận Tải Hàng Không Toàn Cầu Vi Na Vinatrans (VA Express)	40,00%	800.000.000
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	29,28%	4.392.000.000
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (Vinatrans Hà Nội)	22,00%	13.200.000.000
Công ty TNHH Chuyển Phát Nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na)	39,00%	<u>624.000.000</u>
Cộng		<u>24.204.680.000</u>

Đầu tư dài hạn khác có chi tiết như sau:

	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị vốn góp
Công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vi Na Vinatrans (V truck)	9,81%	726.150.000
Công ty Liên doanh Vận Tải Việt Nhật (Konoike Vina)	9,15%	4.917.335.327
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải và Thương Mại (Vinalink)	1,22%	1.650.000.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 12 tháng (tương đương 100.000 USD)		<u>2.061.800.000</u>
Cộng		<u>9.355.285.327</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.7. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	3.234.466.190	721.681.857
Người mua trả tiền trước	11.158.210.043	16.085.682.933
Tổng cộng	14.392.676.233	16.807.364.790

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty, trong đó khoản phải trả Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Vector Quốc Tế (Vector Aviation) - Công ty con là 1.519.379.800 đồng (xem thêm mục 7).

5.8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	503.412.026	555.240.608
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.418.084.901	125.697.924
Các loại thuế khác	157.813.052	215.755.800
Tổng cộng	2.079.309.979	896.694.332

5.9. Phải trả người lao động

Là khoản trích lương tháng 13 và thưởng cuối năm 2011 phải trả.

5.10. Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí làm hàng phải trả - Chi nhánh Sài Gòn	5.868.386.000	960.085.249
Chi phí làm hàng phải trả - Chi nhánh Hà Nội	647.446.721	120.289.435
Tiền thưởng năng suất phải trả	569.859.198	800.000.000
Khác	850.420.459	135.000.000
Tổng cộng	7.936.112.379	2.015.374.684

5.11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Vector Quốc Tế (Vector Aviation) - Công ty con	-	1.260.000.000
Cổ tức phải trả	102.388.500	385.513.500
Nhận ký quỹ ngắn hạn	963.425.000	-
Khác	297.602.771	33.408.514
Tổng cộng	1.363.416.271	1.678.922.014

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	3.745.360.038	3.477.287.260
Trích lập trong kỳ	2.084.000.000	1.071.000.000
Sử dụng trong kỳ	<u>(2.923.000.000)</u>	<u>(518.205.000)</u>
Số dư cuối kỳ	<u>2.906.360.038</u>	<u>4.030.082.260</u>

(Phần tiếp theo ở trang 21)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.13. Vốn chủ sở hữu

5.13.1. Chi tiết của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	56.000.000.000	2.402.850.000	(155.000.000)	-	395.000.000	-	12.912.890.884	71.555.740.884
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	13.766.268.089	13.766.268.089
Tăng do phân phối quỹ	-	-	-	623.000.000	-	-	-	623.000.000
Tăng khác	-	-	-	395.000.000	-	250.000.000	197.009.780	842.009.780
Giảm khác	-	-	-	-	(395.000.000)	(250.000.000)	(11.996.100.000)	(12.641.100.000)
Số dư đầu năm nay	56.000.000.000	2.402.850.000	(155.000.000)	1.018.000.000	-	-	14.880.068.753	74.145.918.753
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	37.557.424.476	37.557.424.476
Tăng do phân phối quỹ	-	-	-	500.000.000	-	-	-	500.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(2.584.000.000)	(2.584.000.000)
Số dư cuối kỳ	56.000.000.000	2.402.850.000	(155.000.000)	1.518.000.000	-	-	49.853.493.229	109.619.343.229

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.13.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam	6.080.000.000	10,86%	6.080.000.000	10,86%
Đối tượng khác	49.920.000.000	89,14%	49.920.000.000	89,14%
Tổng cộng	56.000.000.000	100,00%	56.000.000.000	100,00%

5.13.3. Cổ tức

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ tức đã chi trả trong kỳ:	283.125.000	4.879.436.000

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 23 tháng 04 năm 2011:

- Cổ tức năm 2010 được chi trả bằng tiền mặt là 20%, bằng cổ phiếu là 50%. Trong năm 2010, Công ty đã tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt là 10%, 10% còn lại sẽ được chi trả vào ngày 12 tháng 07 năm 2011.
- Cổ tức năm 2011 dự kiến được chia với tỷ lệ là 20%.

5.13.4. Cổ phần

	Cuối kỳ	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	5.600.000	5.600.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	5.600.000	5.600.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	15.500	15.500
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	5.584.500	5.584.500
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.		

5.13.5. Phân phối lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	14.880.068.753	12.912.890.884
Chia cổ tức năm trước	-	(4.467.600.000)
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	37.557.424.476	5.690.428.308
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(500.000.000)	(623.000.000)
Trích lập Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	(250.000.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.084.000.000)	(1.071.000.000)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	(1.000.000.000)	(69.000.000)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	49.853.493.229	12.122.719.192

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu - Phòng hàng không	21.473.942.393	33.737.003.803
Doanh thu - Phòng đường biển	29.307.194.811	26.952.607.875
Doanh thu - Phòng Logistics	10.068.332.984	10.329.396.758
Doanh thu - Phòng phát triển kinh doanh	14.022.952.225	2.330.629.608
Doanh thu - Phòng Bình Dương	83.727.645	1.286.562.767
Doanh thu - Bảo quản hàng hóa	2.608.800.841	2.456.667.714
Doanh thu - Chi nhánh Hà Nội	7.726.264.136	4.835.668.409
Tổng cộng	<u>85.291.215.035</u>	<u>81.928.536.934</u>

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	138.315.112	269.613.658
Chi phí nhân công	6.981.964.215	4.343.233.278
Chi phí khấu hao tài sản cố định	288.879.189	267.257.086
Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.597.077.266	68.653.241.833
Chi phí bằng tiền khác	2.693.423.978	2.357.590.757
Tổng cộng	<u>73.699.659.760</u>	<u>75.890.936.612</u>

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận được chia	30.483.425.281	3.419.140.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.111.469.323	3.664.669.206
Lãi tiền gửi ngân hàng	351.277.201	234.641.065
Tổng cộng	<u>35.946.171.805</u>	<u>7.318.450.271</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.4. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.498.658.424	3.658.306.643
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	199.320.000	-
Tổng cộng	2.697.978.424	3.658.306.643

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.319.860.828	1.310.527.489
Chi phí đồ dùng văn phòng	10.878.637	81.745.356
Chi phí khấu hao tài sản cố định	71.946.606	90.894.606
Chi phí dự phòng	1.754.670.715	433.104.102
Chi phí bằng tiền khác	2.424.889.583	1.400.608.047
Tổng cộng	5.582.246.369	3.316.879.600

6.6. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	39.257.502.287	6.387.679.296
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	1.000.126.118	455.760.999
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(31.845.058.650)	(3.419.140.000)
Trừ thu nhập khác	(351.277.201)	(247.818.574)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	8.061.292.554	3.176.481.721
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	1.612.258.511	635.296.344
Cộng khoản thuế từ thu nhập khác	87.819.300	61.954.644
Chi phí thuế TNDN phải nộp hiện hành	1.700.077.811	697.250.988

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

Tên Công ty

Mối quan hệ

Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc Tế
(Vector Aviation)

Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư công nợ phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu (xem thêm mục 5.3)	26.118.788.089	261.800.968
Phải trả (xem thêm mục 5.7)	1.519.379.800	1.764.092.141

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.165.615.257	1.548.817.368
Mua dịch vụ	1.412.802.152	5.208.252.051
Lợi nhuận được chia	27.000.000.000	-

- Lương Ban Tổng Giám đốc, thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

	Kỳ này	Kỳ trước
Lương Ban Tổng Giám đốc	651.000.000	801.000.000
Thù lao Hội đồng quản trị	163.777.779	69.000.000
Thù lao Ban Kiểm soát	40.000.000	-
Tổng cộng	854.777.779	870.000.000

8. Các sự kiện sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính

Không có các sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

9. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011 đã được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 01 tháng 08 năm 2011.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 08 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ NGỌC ANH



NGUYỄN BÍCH LÂN